TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HSST
Ngày 17/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Ngọc Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quốc Phòng; Ông Nguyễn Minh Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2019/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lã Quang Đ, sinh năm 1981; tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn C, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lã Ngọc V và bà Đỗ Thị B; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 20/3/2012, bị TAND huyện P, tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi năm 2009); chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2013, đã được xóa án tích; Bị tạm giữ từ ngày 09/3/2019, chuyển tạm giam ngày 18/3/2019; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Lương Đình N, sinh năm 1997; tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Đội 8, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Đình P và bà Dương Thị H; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 26/01/2019 được chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Bị cáo đang tại ngoại tại địa phương; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lương Đình N:** bà Phạm Thị Nhàn – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Nam; có mặt.

**** Người bị hại*:** Ông Trịnh Văn D, sinh năm 1952; Địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện D, tỉnh Hà

Nam; có mặt.

+ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V; địa chỉ: Tầng 02, Tòa nhà X, số 09 Đoàn Văn B, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: ông Lô Bằng G – Chủ tịch hội đồng thành viên. Người đại diện theo ủy quyền ông Lý Tuấn A – Giám đốc Trung tâm an ninh – VPB FC. Vắng mặt; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: xóm 12, thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1973(vắng mặt); Anh Phạm Minh H, sinh năm 1981(vắng mặt); Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định trộm cắp tài sản từ trước nhưng không có phương tiện để đi nên khoảng 11h ngày 13/01/2019, Lã Quang Đ nhờ Lương Đình N chở đi từ Hưng Yên sang Hà Nam với lý do đi mừng đám cưới bạn. N đồng ý và điều khiển xe mô tô Wave an pha BKS 90B2 - 686.73 (của N) chở Đ sang địa bàn xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam theo sự chỉ dẫn của Đ. Khi đi qua nhà thờ B ở thôn P, xã C khoảng 02 km đến một đám cưới của nhà dân bên trái đường, Đ bảo N đứng ngoài chờ Đ vào trong mừng đám cưới, mục đích để trộm cắp xe mô tô nhưng không trộm cắp được nên Đ đi ra ngay. Thấy Đ ra ngay, N hỏi: "Sao mừng nhanh thế, anh không mừng, không ăn cỗ à", Đ nói "Ừ, đi về". Sau đó, Đ bảo N điều khiển xe mô tô BKS 90B2 - 686.73 chở Đ quay lại lối cũ. Trên đường quay lại về hướng nhà thờ B, Đ nói với N: "Anh đi kiếm con xe về để anh đi". Lúc này, N hiểu ý của Đ muốn tìm xe mô tô để trộm cắp, N nói: "Thôi em đi về, em không đi với anh nữa đâu". N tiếp tục điều khiển xe mô tô BKS 90B2 - 686.73 chở Đ đi được khoảng 500m, Đ nhìn thấy trong sân nhà bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 ở thôn Đ, xã C, huyện D có dựng nhiều xe mô tô, không có người trông coi. Khi N chở Đ đi qua nhà bà H khoảng 30m, Đ vỗ tay vào người N nói: "Dừng lại, dừng lại, đứng đây chờ anh một tí, anh vào lấy cái xe", N nói: "Không, em về đi đám cưới đây", Đ nói: "Đứng đây chờ anh một tí anh ra luôn". Nghe Đ nói vậy, N đồng ý đứng ngoài đường cảnh giới. Đ đi vào trong sân, thấy xung quanh không có người trông coi, Đ tiến đến vị trí chiếc xe mô tô Honda Dream BKS 90H1 - 2247 của ông Trịnh Văn D dùng chiếc chìa khóa xe mô tô mang theo mở ổ khóa điện của xe mô tô BKS 90H1 - 2247 thì mở được ổ khóa điện. Đ dùng điện thoại Samsung Galaxy J5 bên trong có số sim 09729361xx gọi điện cho N nói: "Ở ngoài đấy có người không", N trả lời: "Không, chỉ có một chú đi xe Airblade đỏ đang mở cửa vào nhà". Thấy vậy Đ nổ máy xe mô tô BKS 90H1 - 2247 ra ngoài đường chỗ N chờ và nói với N: "Đi đi". Khi đến ngã tư đường QL38 mới, Đ nói với N: "Đi theo anh". N điều khiển xe mô tô BKS 90B2 - 686.73 theo sau Đ về lối C thuộc xã Ch, huyện D rồi đi qua xã T, huyện B lên đê sông H đi cầu Y về Hưng Yên. Đến ngày 14/01/2019, Đ mang xe mô tô BKS 90H1 - 2247 đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Phạm Minh H, sinh năm 1981 ở phố K, phường L, thành phố H nhờ anh H tháo giỏ xe, khóa dây và 02 gương chiếu hậu

ra rồi thay gương chiếu hậu thời trang bên phải và ổ khóa điện mới nhằm thay đổi đặc điểm của xe mô tô BKS 90H1 - 2247. Đến ngày 16/01/2019, N gọi điện cho Đ về việc Công an đã biết việc Đ và N trộm cắp xe mô tô thì Đ rủ N bỏ trốn nhưng N không đồng ý. N nói sẽ ra Cơ quan Công an đầu thú thì Đ nói: "Mày mà về thì mang luôn xe về", N hỏi: "Xe đâu, mang lên dốc K cho em". Đ đồng ý và mang xe mô tô BKS 90H1 - 2247 lên dốc K thuộc huyện Kh, tỉnh Hưng Yên đưa cho N. Đến ngày 17/01/2019, N mang xe mô tô BKS 90H1 - 2247 về Công an huyện Duy Tiên đầu thú, giao nộp tang vật và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân; còn Đ sau khi phạm tội vào huyện B, tỉnh Đắk Lắk trốn, đến ngày 09/3/2019 Đạt đến Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk tạm giữ Lã Quang Đ, sau đó chuyển đối tượng cùng hồ sơ, tài liệu cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi bị mất tài sản, ngày 15/01/2019, ông Trịnh Văn D làm đơn trình báo Cơ quan CSĐT Công an huyện Duy Tiên.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu BKS 90H1 - 2247; 02 chiếc chìa khóa 03 cạnh bằng kim loại giống nhau; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen, bên trong có sim số 0363605036 do Lương Đình Nam giao nộp; 01 chứng minh nhân dân do Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 24/12/2015 cho Lã Quang Đ; 01 xe mô tô Wave an pha BKS 90B2 - 686.73; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự và 01 bản sao công chứng chứng nhận đăng ký xe mô tô Wave an pha BKS 90B2 - 686.73 của Lương Đình N (do bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 ở thôn L, xã Đ, huyện Kh, tỉnh Hưng Yên giao nộp).

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản số 41/KL-HĐ ngày 16/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Duy Tiên kết luận: "Xe mô tô, nhãn hiệu Honda Dream BKS 90H1 - 2247 đã qua sử dụng có giá trị 11.000.000đ; 01 chiếc khóa dây có giá trị 7.000đ. Tổng giá trị tài sản là 11.007.000đ".

Cáo trạng số 28 /CT- VKS ngày 23/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Duy Tiên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; điểm i khoản 1 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự đối với N; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Đ. Xử phạt Lã Quang Đ từ 12 đến 15 tháng tù; xử phạt Lương Đình N từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết. Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 di động Nokia 105; Trả lại bị cáo Lương Đình N 01 xe môtô Wave an pha BKS 90B2 - 686.73, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự và 01 bản sao công chứng chứng nhận đăng ký xe mô tô Wave an pha BKS 90B2 -

686.73. Trả lại Lã Quang Đ: 01 chứng minh nhân dân. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo N đề nghị xử phạt bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Duy Tiên và Điều tra viên;của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên và Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Do có ý định trộm cắp tài sản từ trước nên hồi 11h00' ngày 13/01/2019 Lã Quang Đ nhờ Lương Đình N dùng xe môtô BKS 90B2 - 686.73 của N chở đến địa bàn xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam, trên đường đi Đ đã nói với N về mục đích đi tìm kiếm xe môtô sơ hở để trộm cắp, khi phát hiện trong sân nhà bà Nguyễn Thị H ở thôn Đ, xã C, huyện D có nhiều xe môtô, xung quanh không có ai trông coi, Đ bảo N đứng ngoài đợi và cảnh giới xem có người qua lại ở khu vực ngõ nhà bà H không, còn một mình Đ lén lút tiến đến vị trí dựng chiếc xe mô tô BKS 90H1 - 2247 của ông Trịnh Văn D dùng chìa khóa mang theo mở ổ khóa điện, điều khiển xe ra ngoài cùng N tẩu thoát. Tổng giá trị tài sản Lã Quang Đ và Lương Đình N trộm cắp là: 11.007.000đ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của Lã Quang Đ đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của Lương Đình N cảnh giới giúp cho Lã Quang Đ thực hiện việc lấy trộm tài sản đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" với vai trò đồng phạm. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo Đ có nhân thân xấu, bị cáo N có nhân thân tốt. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi tội phạm bị phát hiện các bị cáo đã ra đầu thú; Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được địa phương xác nhận nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1; khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét vai trò: Lã Quang Đ là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên giữ vai trò đầu; Lương Đình N là người giúp sức, cảnh giới cho Đạt thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò đồng phạm.

Từ nhận định trên, thấy rằng: Bị cáo Đ có nhân thân xấu vì thế cần phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo; bị cáo N có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng xét thấy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình và xã hội tạo điều kiện cho bị cáo cải sửa mình.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo là phù hợp thực tế.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: người bị hại đã nhận lại xe môtô BKS 90H1 – 2247; đối với giỏ xe, khóa dây, ổ khóa điện và 02 gương chiếu hậu của xe môtô BKS 90H1 - 2247 đã bị Lã Quang Đ tháo ra, do người bị hại không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[7] *Về vật chứng vụ án*: Đối với xe môtô BKS 90H1 - 2247 mang tên anh Trịnh Văn T, quá trình điều tra làm rõ anh T đã cho bố anh là ông Trịnh Văn D sử dụng do vậy cơ quan điều tra đã trả chiếc xe trên cho ông D là đúng. Đối với chiếc điện thoại Samsung Galaxy J5 bên trong có số sim 09729361xx của Lã Quang Đ sử dụng để liên lạc với Lương Đình N trong quá trình phạm tội. Quá trình điều tra Đ khai đã làm rơi khi bỏ trốn vào Đắc Lăk mà không xác định được vị trí cụ thể vì thế cơ quan điều tra không truy tìm được vật chứng để xử lý theo quy định. Đối với chiếc chìa khóa do Đ dùng làm công cụ mở ổ khóa điện của xe mô tô BKS 90H1 - 2247, Đ khai trên đường tẩu thoát chiếc chìa khóa đã bị rơi, Đ không biết rơi ở địa bàn nào nên không có căn cứ truy tìm vật chứng để xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với 01 di động Nokia 105 vỏ màu đen, bên trong có sim số 0363605036 là của bị cáo N dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước; Đối với 01 xe môtô Wave an pha BKS 90B2 - 686.73 bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nhưng có mức độ mặt khác bị cáo mua xe môtô trả góp theo hợp đồng bảo lãnh của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V, hiện nay giá trị của xe môtô đang được bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bị cáo và giá trị của xe môtô nhỏ hơn nghĩa vụ của bị cáo vì vậy cần trả lại xe môtô và các giấy tờ kèm theo cho bị cáo để tiếp tục thực hiện hợp đồng bảo lãnh với Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V. Đối với 01 chứng minh nhân dân của Lã Quang Đ cần trả lại cho bị cáo.

[8] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo phải nộp theo quy định.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lã Quang Đ và Lương Đình N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lã Quang Đ 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/3/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Đình N 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lương Đình N cho UBND xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

2. *Về vật chứng:* Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia 105;
- Trả lại bị cáo Lương Đình N: 01 xe môtô Wave an pha BKS 90B2 - 686.73, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự và 01 bản sao công chứng chứng nhận đăng ký xe mô tô Wave an pha BKS 90B2 - 686.73.
- Trả lại bị cáo Lã Quang Đ: 01 chứng minh nhân dân do Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 24/12/2015.

Đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công án huyện Duy Tiên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 23/4/2019.

3. *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Lã Quang Đ, Lương Đình N mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Báo cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an huyện Duy Tiên;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TRẦN NGỌC THUẬN